BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THUỶ SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số**: 1438** /QLCL-CL1
V/v kiểm tra, cấp chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu vào Monténégro

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2016

Kính gửi:
- Các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu vào Monténégro;
- Các Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng.

Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản nhận được thông báo của Cục An toàn thực phẩm, Thú y và dịch tễ học, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cộng hòa Monténégro về việc các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào Monténégro phải được Cơ quan thẩm quyền Việt nam kiểm tra và cấp chứng thư theo mẫu quy định. Cơ quan thẩm quyền Monténégro cũng yêu cầu các điều kiện bảo đảm ATTP và áp dụng các chỉ tiêu ATTP của liên minh Châu Âu (EU). Cục đã có văn bản thông báo với Cơ quan thẩm quyền Monténégro về việc thực hiện từ ngày 01/8/2016 và yêu cầu các đơn vị triển khai như sau:

1. Các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu vào Monténégro:

- Nghiên cứu các yêu cầu bảo đảm ATTP của Monténégro và mẫu chứng thư (tại Phụ lục gửi kèm); cung cấp đầy đủ các thông tin về lô hàng khi đăng ký kiểm tra, chứng nhận cho lô hàng thủy sản xuất khẩu vào thị trường Monténégro.

- Chủ động liên hệ với nhà nhập khẩu Monténégro để cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định, thủ tục có liên quan của Monténégro khi xuất khẩu thủy sản vào thị trường này.

2. Các Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng:

- Phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản vào Monténégro trên địa bàn về các yêu cầu đảm bảo ATTP và mẫu chứng thư áp dụng cho các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào thị trường này.

- Thực hiện việc thẩm tra, kiểm tra, cấp chứng thư cho các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào thị trường Monténégro kể từ ngày 01/8/2016 theo trình tự thủ tục được quy định tại Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013. Các chỉ tiêu kiểm tra, mức giới hạn cho phép và phương pháp kiểm tra được áp dụng như đối với lô hàng thủy sản xuất khẩu vào EU quy định tại Quyết định số 2864/QĐ-BNN-QLCL ngày 24/11/2011 và Quyết định số 1471/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/6/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT cùng các văn bản cập nhật chỉ tiêu kiểm tra của Cục.

- Sử dụng giấy in Chứng thư, cách thể hiện và ghi nội dung thông tin chứng nhận khi cấp chứng thư tương tự như đối với thị trường EU.

Trong quá trình thực hiện, đề nghị các đơn vị kịp thời báo cáo về Cục các khó khăn, vướng mắc (nếu có) để được hướng dẫn xử lý./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Cơ quan Trung bộ, Nam bộ;
- VASEP;
- Lưu: VT, CL1.

Phụ lục. Mẫu chứng thư cấp cho lô hàng thủy sản xuất khẩu vào Monténégro

(Kèm theo công văn số 1438 QLCL-CL1 ngày 13 /7/2016
của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản)

ME-U-7

grb/emblem

VETERINARSKI SERTIFIKAT ZA UVOZ PROIZVODA RIBARSTVA NAMIJENJENIH ZA ISHRANU LJUDI U CRNU GORU/
VETERINARY CERTIFICATE FOR IMPORTATION OF FISHERY PRODUCTS INTENDED FOR HUMAN CONSUMPTION INTO MONTENEGRO

Država/ Contry

VeterinarskI sertifikat za Crnu Goru / Veterinary certificate to Montenegro

Dio I: Podaci o otpremljenoj pošiljci: /

I.1. **Pošiljalac** / Consignor

Naziv / Name

Adresa / Address

Država/ Country
Tel. br. / Tel No

I.2. **Referentni broj sertifikata** / Certificate reference number

I.2.a

I.3. **Centralni nadležni organ** / *Competent Central Authority*

I.4. **Lokalni nadležni organ** / *Competent Local Authority*

I.5. **Primalac** / Consignee

Ime / Name

Adresa / Address
Država/ Country
Tel. br. / Tel No

I.6.

I.7. **Država porijekla/** Country of origin — **Kod ISO/** ISO code

I.8. Regija porijekla / Region of origin — **Kod/** Code

I.9. ***Država odredišta*** */ Country of departure* — **Kod ISO/** *ISO code*

I.10.

I.11. **Mjesto porijekla** / Place of origin

Ime / Name

Odobreni broj / Approval number

Adresa / Address

I.12

I.13. **Mjesto utovara** / Place of loading

Adresa / Address

I.14. ***Datum otpreme*** */ Date of departure*

I.15. **Prijevozno sredstvo** / Means of transport

Avion / Aeroplane ☐ **Brod** / Ship ☐ **Željeznički vagon** / Railway wagon ☐

Kamion / Road vehicle ☐ **Drugo** / Other ☐

Ideantifikacija / Identification

Oznake sa dokumenta:/ Documentary references

I.16. ***Ulazno GVIM u Crnu Goru*** */ Entry GVIM in Montenegro*

I.17.

I.18. **Opis pošiljke** / Description of commodity

I.19. ***Kod pošiljke (CT broj)*** */ Commodity code (CT number)*

I.20. ***Količina*** */ Quantity*

I.21.**Temperatura proizvoda** / Temperature of product

Sobna temperatura / Ambient ☐ **Ohlađeno** / Chilled ☐ **Smrznuto** / Frozen ☐

I.22. ***Broj paketa*** */ Number of packages*

I.23. **Identifikacija kontejnera/broj plombe** / Identification of container/ Seal number

I.24. ***Način pakovanja*** */ Type of packaging*

I.25. **Pošiljka je namijenjena** / Commodities certified for

Za ishranu ljudi / Human consumption ☐

I.26.

I.27. **Za uvoz ili ulaz u CG/** For export to Montenegro ☐

I.28. **Identifikacija pošiljke** / Identification of the commodities

Odobreni broj objekta/ Approval number of establishment

Vrsta/ Species
(Naučno ime)/ Scientific name — **Vrsta robe/** Nature of commodity — **Način obrade/** Treatment type — **Proizvodni objekat/** Manufacturing plant

Broj pakovanja/ Number of packages — **Neto masa/** Net weight

Država/ Country | **Proizvodi ribarstva/** Fishery products

Dio II: Sertifikacija/ Part II: Certification

II. Podaci o zdravlju / Health attestation	II.a. **Referentni broj sertifikata** / Certificate reference number	II.b.

II.1 (1) Potvrda o javnom zdravlju / Public health attestation

Ja, niže potpisani službeni/ovlašćeni veterinar potvrđujem da su gore opisani proizvodi ribarstva/ I, the undersigned official veterinarian, declare that the fishery products described above

- dolaze iz objek(a)ta u koji primjenjuju program zasnovan na HACCP načelima u skladu s Uredbom (EZ) Br. 852/2004, / come from (an) establishment(s) implementing a programme based on the HACCP principles in accordance with Regulation (EC) No 852/2004

- su bili ulovljeni i obrađeni na palubi broda, istovareni, obrađeni i gdje je primjenjivo pripremljeni, prerađeni, smrznuti ili higijenski odmrznuti u skladu sa uslovima navedenim u Sekciji VIII, Poglavlju I do IV Dodatka III Uredbe (EZ) Br. 853/2004. /, have been caught and handled on board of vessels, unloaded, handled and, where appropriate, prepared, processed, frozen and thawed hygienically, in compliance with the requirements laid down in Section VIII, Chapters I to IV of Annex III to Regulation (EC) No 853/2004

- udovoljavaju zdravstvenim standardima određenim u Sekciji VIII, Poglavlje V Dodatka III Uredbe (EZ) Br. 853/2004 i kriterijima određenim Uredbom (EZ) Br. 2073/2005 o mikrobiološkim kriterijima za hranu; / satisfy the health standards laid down in Section VIII, Chapter V of Annex III to Regulation (EC) No 853/2004 and the criteria laid down in Regulation (EC) No 2073/2005 on microbiological criteria for foodstuffs

- su bili zapakovani, skladišteni i transportovani u skladu sa Sekcijom VIII, Poglavljem VI do VIII Dodatka III Uredbe (EZ) Br. 853/2004; / have been packaged, stored and transported in compiance with Section VIII, Chapters VI to VIII of Annex III to Regulation (EC) No 853/2004

- su bili označeni identifikacijskom oznakom u skladu sa Sekcijom I Dodatka II Uredbe (EZ) Br. 853/2004; / have been marked in accordance with Section I of Annex II to Regulation (EC) No 853/2004

- su ispunjene garancije vezano za žive životinje i njihove proizvode, ukoliko potiču iz uzgajališta, određena planom za monitoring rezidua koji je u skladu s Direktivom 96/93/EZ, posebno s njenim članom 29., i / the guarantees covering live animals and products thereof, if of aquaculture origin, provided by the residue plans submitted in accordance with Directive 96/23/EC, and in particular Article 29 thereof, are fulfilled, and/

- su sa zadovoljavajućim rezultatom prošli službene kontrole iz Dodatka III Uredbe (EZ) Br. 854/2004. / have satisfactorily undergone the official controls laid down in Annex III to Regulation (EC) No 854/2004

II.2. (2) (4) Potvrda o zdravlju životinja za ribe i rakove porijeklom iz akvakulture/ Animal health attestation for fish and crustaceans of aquaculture origin

II.2.1. (3) (4) Zahtjevi za vrste prijemčive na epizootski ulcerativni sindrom (EUS), epizootsku hematopoetsku nekrozu (EHN), Taurski sindrom rakova i bolesti žute glave rakova /Requirements for species susceptible to Epizootic ulcerative syndrome (EUS), Epizootic haematopoietic necrosis (EHN), Taura syndrome and Yellowhead disease

Ja, niže potpisani službeni/ovlašćeni veterinar, potvrđujem da životinje akvakulture ili njihovi proizvodi iz Dijela I ovoga certifikata: / I, undersigned official veterinarian, hereby certify that the aquaculture animals of products thereof referred to in Part I of this certificate

(5) Potiču iz države/područja, zone ili kompartmenta koje je nadležni organ moje države proglasilo slobodnim od (4) [EUS] (4) [EHN] (4) [Taurskog sindroma rakova] (4) [bolesti

žute glave rakova] u skladu s Poglavljem VII Direktive 2006/88/EZ ili odgovarajućim standardima OIE-a,/ originate from country/ territory, zone or compartment declared free from country (4) [EUS] (4) [EHN] (4) (Taura syndrome) (4) [Yellowhead disease] in accordance with chapter VII of Directive 2006/88/EC or the relevant OIE Standard by the competent authority of my country

(i) pojava navedenih bolesti se prijavljuje nadležnom organu, a izvještaj o sumnji na pojavu navedenih bolesti mora odmah da bude provjeren od strarne nadležne službe / where the relevant diseases are notifiable to the competent authority and reports of suspicion of infection of the relevant disease must be immediately investigated by the official services
(ii) svako naseljavanje vrsta prijemčivih za navedene bolesti potiče iz oblasti proglašene slobodnom od bolesti, i/ all introduced species susceptible to the relevant diseases come from an area declared free of the disease, and
(iii) vrste prijemčive za navedene bolesti nijesu vakcinisane protiv njih/ species susceptible to the relevant diseases are not vaccinated against the relevant diseases

II.2.2 (3)(4) [Zahtjevi za vrste koje su prijemčive za Virusnu hemoragičnu septikemiju (VHS), Infektivnu hematopoetsku nekrozu (IHN), Infektivnu anemiju lososa (ISA), Koi herpes virus (KHV) i Bolest bijelih pjega, namijenjenih za izvoz u zemlju članicu, zonu ili kompartment proglašen slobodnim od navedenih bolesti ili sa sistemon nadzora i eradikacije navedenih bolesti/ Requirements for species susceptible to Viral haemorrhagic septicaemia (VHS), Infectious haematopoietic necrosis (IHN), Infectious salmon anaemia (ISA), Koi herpes virus (KHV) and White spot disease intended for a Member State, zone or compartment declared disease-free or subject to a surveillance or eradication programme for the relevant disease

Ja, niže potpisani službeni/ovlašćeni veterinar potvrđujem da životinje porijeklom iz akvakulture, kao i njegovi proizvodi na koje se odnosi Dio I ovog sertifikata:/ I, undersigned official veterinarian, hereby certify that the aquaculture animals of products thereof referred to in Part I of this certificate

(6) Potiču iz države/područja, zone ili kompartmenta koje je nadležni organ moje države proglasilo slobodnim od (4) [VHS] (4) [IHN] (4) [ISA] (4) [KHV] (4) [Bolesti bijelih pjega] u skladu sa Poglavljem VII Direktive 2006/88/EC ili po relevatnim standardima OIE-a od strane nadležnog organa moje države, / originate from a country/ territory, zone or compartment declared free from (4) [VHS] (4) [IHN] (4) [ISA] (4) [KHV] (4) (White spot disease) in accordance with Chapter VII of Directive 2006/88/EC or the relevant OIE Standard by the competent authority of my country

(i) pojava navedenih bolesti obavezno se prijavljuju nadležnom organu, a izvještaj o sumnji na pojavu navedenih bolesti mora odmah da bude provjeren od strane nadležne službe,/ where the relevant diseases are notifiable to the competent authority and reports of suspicion of infection of the relevant disease must be immediately investigated by the official services
(ii) svako naseljavanje vrsta prijemčivih za navedene bolesti potiče iz oblasti proglašene slobodnom od bolesti, i/ all introduced species susceptible to the relevant diseases come from an area declared free of the disease, and
(iii) vrste prijemčive za navedene bolesti nijesu vakcinisane protiv njih/ species susceptible to the relevant diseases are not vaccinated against the relevant diseases

II.2.3 Zahtjevi za transport i obilježavanje/ Transport and labelling requirements

Ja, niže potpisani službeni/ovlašćeni veterinar, potvrđujem da/ I, undersigned official veterinarian, hereby certify that

II.2.3.1 su gore pomenute životinje porijeklom iz akvakulture utovarane pod uslovima, uključujući kvalitet vode, koji neće uticati na njihovo zdravstveno stanje;/ the aquaculture animals referred to above are placed under conditions, including with a water quality, that do not alter their health status

II.2.3.2 transportni kontejneri ili prostor u brodu prije utovara očišćen i dezinfikovan, ili nije predhodno korišćen, i / the transport container or well boat to loading is clean and disinfected or previously unused, and

II.2.3.3 pošiljka je identifikovana lako čitljivom oznakom na spoljnom dijelu kontejnera, ili, ukoliko se transportuje brodom, u brodskoj dokumentaciji, sa relevatnim informacijama koje se nalaze u poljima I.7 do I.11 Dijela I ovog certifikata, i sa sledećom napomenom:/ the consignment is identified with a legible label on the exterior of the container, or when transported by well boat, in the ship's manifest, with the relevant information referred to in boxes 1.7 to 1.11 of Part I of this certificate, and the following statement

(4)[[Ribe](4) [Rakovi] namijenjeni za ishranu ljudi. / (4)[[Fish](4) [Crustaceans] intended for human consumption

Napomene/ Notes

Dio I:/ Part I

- Rubrika I.8: Region porijekla: Za zamrznute ili prerađene školjke navesti oblast proizvodnje./ Box reference I.8: Region of origin: For frozen or processed bivalve mollusks, indicate the production area
- Rubrika I.11: Mjesto porijekla: ime i adresa objekta utovara/ Box reference I.11: Place of origin: name and address of the dispatch establishment
- Rubrika I.15: Broj registracije (vagona, kontejnera ili kamiona), broj leta (avion) ili ime (brod). Potrebno je obizbijediti dodatne informacije u slučaju istovara i pretovara./ Box reference I.15: Registration number (railway wagons or container and lorries), flight number (aircraft) or name (ship). Separate information is to be provided in the event of unloading and reloading
- Rubrika I.19: Koristiti odgovarajuće CT kodove: 03.01, 03.02, 03.03, 03.04, 03.05, 03.06, 03.07, 05.11.91, 15.04, 15.18.00, 16.03, 16.04, 16.05./ Box reference I.19: Use the appropriate HS codes: 03.01,03.02,03.03,03.04,03.05,03.06,03.07,05.11.91,15.04,15.18.00,16.03,16.04,16.05
- Rubrika I.23: Identifikacija kontejnera/Broj pečata: Ukoliko postoji serijski broj na pečatu mora da bude naveden./ Box reference I.23: Identification of container/ Seal number: Where there is a serial number of the seal it has to be indicated
- Rubrika I.28: Vrsta pošiljke: Navesti da li je porijeklom iz akvakulture ili ulova. Način obrade: Navesti da li je živa, ohlađena, smrznuta ili prerađena. Proizvodni objekat:

Uključuje opremu fabrike, opremu za zamrzavanje, skladište sa temperaturnim režimom, postrojenje za preradu./ Box reference I.28: Nature of commodity: specify if aquaculture or wild origin. Treatment type: live, chilled, frozen, processed. Manufacturing plant: Includes factory vessel, freezer vessel, cold store, processing plant

Dio II:/ Part II

(1) Dio II.1 ovog certifikata se ne odnosi na zemlje koje imaju posebne zahtjeve za sertifikat o javnom zdravstveno stanju definisane u sporazumima o ekvivalenciji ili drugoj legislativi Zajednice./ Part II.1 of this certificate does not apply to countries with special public health certification requirements laid down in equivalence agreements or other Community legislation

(2) Dio II.2 ovog sertifikata ne odnosi se na:/ Part ii.2 of this certificate does not apply to

(a) nežive rakove, odnosno rakove koji ne mogu da prežive kao žive životinje ukoliko bi bili vraćeni u okruženje iz koga potiču / non-viable crustaceans, which means crustaceans no longer able to survive as living animals if returned to the environment from which they were obtained

(b) ribe koje su usmrćene i kojima su odstranjeni organi prije utovara / fish which are slaughtered and eviscerated before dispatch

(c) životinje porijeklom iz akvakulture i njihovi proizvodi, koji se nalaze na tržištu bez prethodne prerade, ukoliko se dokaže da su pakovani u maloprodajnu ambalažu koja je u saglasnosti sa odredbama za tu vrstu pakovanja Uredbe (EC) 853/2004,/ aquaculture animals and products thereof, which are placed on the market for human consumption without further processing, provided that they are packed in retail-sale packages which comply with the provisions for such packages in Regulation (EC) No 853/2004

(d) rakovi namijenjeni objektima za preradu koji su autorizovani u skladu sa Članom 4(2) Direktive 2006/88/EC, ili distributivnim centrima, centrima za prečišćavanje ili sličnim objektima koji su opremljeni protočnim sistemom koji inaktiviše pomenute patogene ili gdje je protok podvrgnut drugim tretmanima koji smanjuju rizik prenosa bolesti do prirodnih vodotokova na prihvatljivi nivo/ crustaceans destined for processing establishments authorised in accordance with Article 4(2) of Directive 2006/88/EC, or for dispatch centres, purification centres or similar businesses which are equipped with an effluent treatment system inactivating the pathogens in question, or where the effluent is subject to other types of treatment reducing the risk of transmitting diseases to the natural waters to an acceptable level

(e) rakovi koji su namijenjeni daljoj preradi prije nego što budu konzumirani, bez privremenog skladištenja na mjestu prerade, i zapakovani i označeni u tu svrhu u skladu sa Uredbom (EC) 853/2004./ crustaceans which are intended for further processing before human consumption without temporary storage at the place of processing and packed and labelled for that purpose in accordance with Regulation (EC) No 853/2004

(3) Dijelovi II.2.1 i II.2.2 ovog sertifikata odnose se samo na vrste koje su prijemčive za jednu ili više vrsta bolesti navedenih u ovom dijelu. Prijemčive vrste su navedene u Aneksu IV Direktive 2006/88/EC./ Parts II.2.1 and II.2.2 of this certificate only apply to species susceptible to one or more of the diseases referred to in the title. Susceptible species are listed in Annex IV to Directive 2006/88/EC

(4) Nepotrebno precrtati./ Keep as appropriate

(5) Za pošilke prijemčive za EUS, EHN, Taura sindrom i/ili Bolest žute glave, ova izjava je neophodna za uvoz pošiljke u Crnu Goru./ For consignments of species susceptible to EUS, EHN, Taura syndrome and/or Yellowhead disease this statement must be kept for the consignment to be authorised into any part of Montenegro

(6) Za dobijanje odobrenja za uvoz u Crnu Goru, njenu zonu ili kompartment (rubrika I.9 i I.10 Dijela I ovog certifikata) koji su proglašeni slobodnim od VHS, IHN, ISA, KHV ili Bolesti bijelih pjega ili sa programom nadzora ili eradikacije u skladu sa Članom 44 (1) ili (2) Direktive 2006/88/EC, jedna od ovih tvrdnji mora da postoji ukoliko pošiljka sadrži vrste prijemčive na one bolesti (i) na koje se proglašenje slobode ili programi(i) primjenjuju./ To be authorised into Montenegro, its zone or compartment (box I.9 and I.10 of Part I of the certificate) declared free from VHS, IHN, ISA, KHV or Whitespot disease or with a surveillance or eradication programme established in accordance with Article 44(1) or(2) of Directive 2006/88/EC, one of these statements must be kept if the consignment contain species susceptible to the disease(s) from which the area is free or to species to which the relevant programme(s) apply(ies).

Boja potpisa mora biti različita od boje štampe certifikata./ The colour of the stamp and signature must be different from that of the most particulars in the certificate

Službeni/ovlašćeni veterinar / Official veterinarian

Ime (velikim štampanim slovima) / Name (in capitals) Kvalifikacija i zvanje / Qualification and title

Datum/ Date Potpis:/ Signature

Pečat / Stamp